

# THỰC TRẠNG KỸ NĂNG TƯ VẤN TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG CỦA CÁN BỘ, GIÁO VIÊN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Nguyễn Văn Bắc<sup>1+</sup>,  
Nguyễn Bá Phú<sup>1</sup>,  
Hồ Duy Hậu<sup>2</sup>,  
Đoàn Văn Hóa<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế;

<sup>2</sup>Trường THCS & THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;

<sup>3</sup>Trường THPT Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

+ Tác giả liên hệ • Email: nguyenvanbac@dhsphue.edu.vn

## Article history

Received: 15/5/2022

Accepted: 28/6/2022

Published: 05/8/2022

## Keywords

Skills, school counselling, teaching and non-teaching staff, high schools

## ABSTRACT

School counseling skill refers to the competency to apply personal experience and professional knowledge of the counselor to help students improve their ability to overcome difficulties in learning, social relations, career orientation; proactively detect problems and develop of appropriate prevention and intervention programs in schools. This study was conducted to evaluate the current status of school counseling skills of teaching and non-teaching staff in high schools in Quang Tri and Thua Thien Hue provinces from the perspective of both counselors and students. The research results show that the basic counseling skills and school counseling skills of the staff in the selected high schools area were only average. There are many factors affecting the school counseling skills of this team, in which, the strongest impact stemmed from their background knowledge about counseling in schools. Based on the assessment of the current situation, we propose a number of measures to improve school counseling skills for school staff in the research localities. This is the basis for developing school counseling skills for school staff.

## 1. Mở đầu

Kỹ năng tư vấn (KNTV) tâm lý học đường là năng lực vận dụng kinh nghiệm, tri thức chuyên môn của nhà tư vấn để trợ giúp học sinh (HS) nâng cao năng lực giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong học tập, quan hệ xã hội, định hướng nghề nghiệp; phát hiện sớm và phát triển các chương trình phòng ngừa, can thiệp thích hợp trong nhà trường (Hoàng Anh Phước, 2016, tr 38). Trong trường học, người tư vấn có thể là nhà tâm lý học đường, Ban Giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn, GV chủ nhiệm lớp (Nguyễn Đức Sơn, 2018, tr 41). Hiện nay, đa phần đội ngũ GV ở trường phổ thông đã được tham gia bồi dưỡng, tập huấn các kiến thức về tư vấn tâm lý cho HS do Bộ GD-ĐT tổ chức. Chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn cho GV phổ thông làm công tác tư vấn cho HS hướng đến các nội dung như: một số vấn đề chung về tư vấn tâm lý cho HS; các kỹ năng tham vấn học đường cơ bản; tìm hiểu, đánh giá khó khăn tâm lý của HS; tư vấn HS gặp khó khăn về tâm lý; tư vấn HS có hành vi lệch chuẩn; tư vấn học tập và hướng nghiệp; tư vấn giới tính và sức khỏe sinh sản (Bộ GD-ĐT, 2017, 2018). Tuy nhiên, trong những năm qua, hoạt động này ở các nhà trường vẫn thực sự chưa mang lại hiệu quả rõ rệt. Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân mà một trong những nguyên nhân là KNTV tâm lý của đội ngũ cán bộ (CB), GV còn hạn chế.

Nghiên cứu này tìm hiểu và đánh giá thực trạng về KNTV tâm lý học đường của đội ngũ CB, GV ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế từ góc độ của cả người tư vấn lẫn HS, từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao KNTV tâm lý học đường cho CB, GV trong điều kiện hiện nay.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm

#### 2.1.1. Kỹ năng tư vấn tâm lý cơ bản

Theo tác giả Hoàng Anh Phước (2016), KNTV tâm lý cơ bản là những kỹ năng nền tảng giúp thực hiện có hiệu quả hoạt động tư vấn nói chung. Nhóm KNTV tâm lý cơ bản bao gồm:

- *Kỹ năng thiết lập mối quan hệ* (là khả năng tạo ra bầu không khí cởi mở, thân thiện với HS, tạo cho HS cảm giác an toàn, biết cách khơi gợi HS chia sẻ; có khả năng giải thích rõ ràng cho HS về mục đích và nguyên tắc tư vấn

để các em yên tâm; Lắng nghe và chấp nhận, không lên án hay phán bác ý kiến HS khi em nói quan điểm của mình và biết cảm thông chia sẻ và tôn trọng HS, biết quan tâm đến tâm trạng của HS khi tư vấn);

- *Kỹ năng đặt câu hỏi* (khả năng đặt câu hỏi một cách hợp lí, phù hợp; đặt ra câu hỏi hướng vào thông tin cần thiết để tư vấn; luôn lắng nghe, tôn trọng và không phê phán HS; biết làm chủ tiến trình hỏi, xác định thời điểm hỏi và dẫn dắt HS theo hướng của mình);

- *Kỹ năng quan sát* (khả năng quan sát hành vi, cách nói chuyện, tâm trạng và xúc cảm và biểu hiện hành vi bằng nét mặt, cử chỉ của HS; khả năng ghi nhớ nội dung quan sát; khả năng tập trung quan sát, quan sát lâu dài và điều chỉnh ánh mắt phù hợp với tình huống tư vấn khi quan sát);

- *Kỹ năng lắng nghe* (khả năng tập trung chú ý cao để lắng nghe HS trình bày, không ngắt lời, phê phán HS; khả năng quan sát và nhận biết được hành vi, cảm xúc của HS và đọc được hành vi các em; đưa ra những phản hồi phù hợp với vấn đề mà HS trình bày, biết đặt câu hỏi để gợi mở để HS trình bày; khả năng sử dụng các cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ... để khích lệ HS, thể hiện sự quan tâm, thấu hiểu HS);

- *Kỹ năng thấu hiểu* (khả năng cảm nhận và thấu hiểu được suy nghĩ, cảm xúc của HS, biết đặt bản thân vào hoàn cảnh của HS để cảm nhận; có thể nhắc lại những suy nghĩ của HS, lắng nghe, tôn trọng những suy nghĩ của các em mà không phê phán; có thể phản hồi những suy nghĩ, cảm xúc của HS và có khả năng kiểm soát được cảm xúc nóng giận của HS để đảm bảo sự khách quan trước khi tư vấn);

- *Kỹ năng phản hồi* (khả năng chú ý lắng nghe và hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của HS được biểu hiện quan hành vi; khả năng nhắc lại những suy nghĩ của HS, biết lắng nghe, tôn trọng những suy nghĩ của HS, không phê phán; lắng nghe, quan sát để kiểm tra lại hiệu quả của sự phản hồi ở HS; có thể trao đổi, tóm lược lại với HS về suy nghĩ, cảm xúc của các em. Nhóm kỹ năng này cũng được đông đảo các nhà nghiên cứu về tâm lí học đường và tư vấn tâm lí học đường công nhận và cho là các kỹ năng then chốt, nền tảng hỗ trợ cho năng lực tư vấn tâm lí học đường.

#### 2.1.2. Các kỹ năng tư vấn tâm lí học đường

Theo tác giả Nguyễn Đức Sơn (2018), nội dung tư vấn tâm lí học đường hướng vào các vấn đề tư vấn tâm lí cho HS đã được bồi dưỡng cho CB, GV ở các trường THPT. Kỹ năng này bao gồm:

- *Kỹ năng tìm hiểu, đánh giá khó khăn tâm lí của HS* (khả năng kết hợp các phương pháp khác nhau trong đánh giá, trò chuyện và sử dụng các bài trắc nghiệm để đánh giá HS; sử dụng các nguồn thông tin khác nhau từ cha mẹ HS, bạn bè HS và từ GV khác để đánh giá tâm lí HS gặp vấn đề; nhận diện được những khó khăn về tâm lí HS và có khả năng sử dụng các kết quả đánh giá HS để xây dựng kế hoạch phòng ngừa);

- *KNTV HS gặp khó khăn tâm lí* (khả năng tư vấn, hỗ trợ cho HS phù hợp với khó khăn HS gặp phải; tiến hành tư vấn theo đúng quy trình, đảm bảo đúng mục tiêu tư vấn; theo dõi những diễn biến tâm lí HS trong quá trình tư vấn để đánh giá hiệu quả tư vấn, từ đó có thể điều chỉnh kịp thời các biện pháp tư vấn và can thiệp phù hợp);

- *KNTV cho HS có hành vi lệch chuẩn* (khả năng xác định các dấu hiệu cơ bản của các dạng hành vi hành vi lệch chuẩn ở HS; sử dụng các thang đo để đánh giá hành vi lệch chuẩn ở HS; xây dựng chương trình phòng ngừa những hành vi lệch chuẩn ở HS trong nhà trường; đánh giá mức độ hiệu quả của việc tư vấn về hành vi lệch chuẩn ở HS và có thể điều chỉnh biện pháp tư vấn phù hợp);

- *KNTV tâm lí cho HS trong học tập và hướng nghiệp* (xác định được phong cách học tập, năng lực học tập của HS và phát hiện những HS có khó khăn về học tập; tư vấn cho HS về chương trình học tập, phương pháp học tập và các hình thức tổ chức hoạt động học tập, hỗ trợ, can thiệp cho HS có khó khăn về học tập; Tư vấn cho HS điều chỉnh phương pháp học tập, kế hoạch học tập cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của từng HS; nhận biết được sở thích nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp của HS; tư vấn cho HS lựa chọn hướng đi phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện bản thân và nhu cầu xã hội; tư vấn cho HS lập kế hoạch nghề nghiệp và sẵn sàng chuẩn bị cho nghề nghiệp trong tương lai);

- *KNTV cho HS về giới tính và sức khoẻ sinh sản* (khả năng nhận biết, phân tích được các vấn đề về giới tính và sức khoẻ sinh sản ở lứa tuổi vị thành niên; lập kế hoạch và tổ chức tư vấn theo hình thức nhóm, tư vấn cho cá nhân HS phù hợp với mỗi cấp học về giới tính và sức khoẻ sinh sản; Áp dụng quy trình, các nguyên tắc và các kỹ năng để tư vấn giới tính và sức khoẻ sinh sản cho HS; Đánh giá hiệu quả của tư vấn giới tính và sức khoẻ sinh sản cho HS và có thể điều chỉnh các biện pháp tư vấn phù hợp.

Như vậy có thể thấy, KNTV tâm lí học đường bao gồm các KNTV tâm lí cơ bản nhưng được cụ thể hoá và gắn liền với tâm - sinh lí, nhu cầu của người học ở lứa tuổi vị thành niên.

## 2.2. Khái quát về khảo sát

- *Khách thể nghiên cứu*: Mẫu nghiên cứu gồm 157 CB, GV và 321 HS từ lớp 10 đến lớp 12 của một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (THCS - THPT Bến Quan, THPT Vĩnh Linh) và tỉnh Thừa Thiên Huế (Trường THPT Thuận Hoá, THPT Vinh Xuân, THPT Hà Trung và THPT Nguyễn Sinh Cung).

- *Phương pháp nghiên cứu*: + *Điều tra bằng bảng hỏi*: Nhằm thu thập các thông tin phản hồi của CB, GV và HS về khó khăn tâm lý và KNTV tâm lý của CB, GV ở trường phổ thông; + *Phương pháp phỏng vấn*: Nhằm thu thập thông tin sâu về khách thể nghiên cứu để hiểu rõ hơn quan điểm, cách tiếp cận của họ về KNTV tâm lý cho HS ở CB, GV và các vấn đề mà phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi chưa hoặc không thể cung cấp đầy đủ; + *Phương pháp thống kê toán học*: Nhằm xử lý, thống kê các thông tin, dữ liệu thu được từ các phương pháp nghiên cứu thực tiễn trên qua phần mềm SPSS 20.0.

- *Quy ước thang đo*: Thang đo về thực trạng KNTV tâm lý cho HS của CB, GV được thiết kế theo thang Likert 5 bậc như sau: Rất đúng với tôi (GV)/Rất đúng (HS)/Rất ảnh hưởng (5 điểm); Đúng với tôi (GV)/ Đúng (HS)/Ảnh hưởng (4 điểm); Khá đúng với tôi (GV)/Khá đúng (HS)/Khá ảnh hưởng (3 điểm); Bình thường đúng với tôi (GV)/Bình thường đúng (HS)/Bình thường ảnh hưởng (2 điểm); Không đúng với tôi (GV)/Không đúng (HS)/Không ảnh hưởng (1 điểm). Sử dụng công thức tính khoảng điểm  $(Max - Min)/n$  (như vậy, khoảng phân biệt giữa các mức độ là 0,8). Điểm trung bình (ĐTB) của từng biểu hiện KNTV tâm lý cho HS của CB, GV như sau: Rất đúng với tôi (GV)/Rất đúng (HS)/Rất ảnh hưởng (từ 4,2 - 5 điểm); Đúng với tôi (GV)/Đúng (HS)/Ảnh hưởng (từ 3,4 - 4,2 điểm); Khá đúng với tôi (GV)/Khá đúng (HS)/Khá ảnh hưởng (từ 2,6 - 3,4 điểm); Bình thường đúng với tôi (GV)/Bình thường đúng (HS)/Bình thường ảnh hưởng (từ 1,8-2,6 điểm); Không đúng với tôi (GV)/Không đúng (HS)/Không ảnh hưởng (1-1,8 điểm).

## 2.3. Kết quả khảo sát

### 2.3.1. Đánh giá về kỹ năng tư vấn tâm lý cơ bản của cán bộ, giáo viên ở trường trung học phổ thông

Bảng 1. Đánh giá của CB, GV và HS về mức độ thể hiện KNTV tâm lý cơ bản ở CB, GV

STT	KNTV tâm lý cơ bản	CB, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Kỹ năng thiết lập mối quan hệ	2,89	0,70	3,10	0,65
2	Kỹ năng đặt câu hỏi	2,64	0,71	2,84	0,70
3	Kỹ năng quan sát	2,74	0,69	2,76	0,60
4	Kỹ năng lắng nghe	2,77	0,70	3,06	0,68
5	Kỹ năng thấu hiểu	2,73	0,78	2,76	0,65
6	Kỹ năng phản hồi	2,63	0,49	2,66	0,64
	<b>ĐTB chung</b>	<b>2,73</b>	<b>0,63</b>	<b>2,86</b>	<b>0,68</b>

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình,  $1 \leq ĐTB \leq 5$ ; ĐLC: Độ lệch chuẩn

KNTV tâm lý cơ bản là những kỹ năng nền tảng giúp người tư vấn thực hiện có hiệu quả hoạt động tư vấn. Việc trang bị và thực hiện các KNTV tâm lý cơ bản giúp CB, GV đạt được hiệu quả tư vấn. Số liệu ở bảng 1 cho thấy, KNTV tâm lý cơ bản của CB, GV ở một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế được đánh giá ở mức trên trung bình với ĐTB chung của CB, GV là 2,73 và của HS là 2,86.

Số liệu trên cho thấy, có sự khác biệt trong đánh giá giữa CB, GV với HS, tuy nhiên sự khác biệt trong đánh giá là không đáng kể. Trong các KNTV tâm lý cơ bản thì kỹ năng thiết lập mối quan hệ và kỹ năng lắng nghe được CB, GV và HS đánh giá mức cao nhất với ĐTB là 2,89 và 2,77 ở CB, GV và 3,10 và 3,06 ở HS. Mức đánh giá thấp nhất là kỹ năng đặt câu hỏi và kỹ năng phản hồi với ĐTB lần lượt là 2,63 và 2,64 ở CB, GV và 2,84 và 2,66 ở HS. Với các số liệu trên so với chuẩn điểm đánh giá cho thấy, các KNTV tâm lý cơ bản ở CB, GV các trường THPT được khảo sát còn thấp. Kết quả này cũng phản ánh một thực tế là nhiều CB, GV ở các trường THPT tham gia công tác tư vấn tâm lý cho HS đa phần là kiêm nhiệm nên họ chưa có sự đầu tư nhiều vào vấn đề này. Qua phỏng vấn, một số CB, GV làm công tác tư vấn tâm lý học đường cho rằng, nguyên nhân của hạn chế này là do khái niệm và hoạt động tư vấn tâm lý học đường hiện nay về cơ bản là còn khá mới mẻ, trong khi đó đội ngũ CB, GV chưa đào tạo bài bản về công tác này. Với kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi cho rằng để đáp ứng tốt các yêu cầu của công tác tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho HS trong nhà trường thì cần tăng cường hơn nữa trong bồi dưỡng KNTV tâm lý cơ bản ở CB, GV trong các trường THPT

### 2.3.2. Đánh giá về kỹ năng tư vấn tâm lý học đường của cán bộ, giáo viên và học sinh

Bảng 2. Đánh giá của CB, GV và HS về mức độ thể hiện về KNTV tâm lý học đường của CB, GV

TT	KNTV tâm lý học đường	CB, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Kỹ năng tìm hiểu, đánh giá khó khăn tâm lý của HS	2,46	0,63	2,51	0,58
2	KNTV HS gặp khó khăn tâm lý (quan hệ với cha mẹ, anh, chị, em, bạn bè, thầy cô giáo, tình cảm...)	2,61	0,71	2,63	0,61
3	KNTV cho HS có hành vi lệch chuẩn	2,59	0,55	2,52	0,59
4	KNTV tâm lý cho HS trong học tập và hướng nghiệp	2,80	0,67	2,86	0,60
5	KNTV cho HS về giới tính và sức khỏe sinh sản	2,57	0,67	2,50	0,64
	<b>ĐTB chung</b>	<b>2,61</b>	<b>0,65</b>	<b>2,60</b>	<b>0,70</b>

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình,  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ ; ĐLC: Độ lệch chuẩn

KNTV tâm lý học đường là khả năng người CB, GV vận dụng những kiến thức đã được đào tạo, bồi dưỡng về tư vấn tâm lý học đường vào việc tư vấn, trợ giúp HS nâng cao năng lực giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong học tập, quan hệ xã hội, định hướng nghề nghiệp; những hành vi lệch chuẩn và những vấn đề về giới tính, sức khỏe sinh sản. Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, KNTV tâm lý học đường ở CB, GV ở các trường THPT được khảo sát chỉ đạt ở mức độ trung bình với ĐTB đánh giá ở CB, GV là 2,61 và ĐTB đánh giá ở HS là 2,60. Số liệu cho thấy sự đánh giá giữa CB, GV và HS không có sự khác biệt đáng kể. Qua kết quả ở bảng trên, có thể nhận thấy, KNTV tâm lý học đường ở CB, GV ở các trường THPT được khảo sát còn thấp và chính điều này dẫn tới chất lượng, hiệu quả tư vấn tâm lý cho HS hiện nay ở các trường THPT còn hạn chế. Trong các KNTV tâm lý học đường thì KNTV về học tập và hướng nghiệp được đánh giá cao nhất với ĐTB là 2,80 ở CB, GV và ĐTB 2,86 ở HS. Thực tiễn cho thấy, nội dung tư vấn học tập và hướng nghiệp được HS xin tư vấn thường xuyên hơn và do vậy KNTV tâm lý về học tập và hướng nghiệp được CB, GV chú trọng hơn và chuẩn bị tốt hơn.

Nhiều nghiên cứu cho thấy, tư vấn học tập tốt sẽ giúp HS có thể xác định, điều chỉnh phương thức, đưa ra chiến lược, kế hoạch học tập và rèn luyện nhằm cải thiện kết quả học của mình (Shaterloo & Mohammadyari, 2011; Oluwabunmi & Oredugba, 2017). Khi các nhà tư vấn học tập có kỹ năng và kiến thức tốt thì hiệu quả của việc tư vấn cho người học được cải thiện, HS có thể tiếp thu các nội dung tư vấn, điều chỉnh kịp thời phương pháp và lên kế hoạch học tập cụ thể; thái độ học tập cũng thay đổi tích cực hơn và tạo kết quả học tập cũng tốt hơn (Oluwabunmi & Oredugba, 2017). Một số nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng, GV có KNTV tốt thường tạo ra động lực và thành tích học tập ở HS cao (Rowan, 1997). Các nghiên cứu khác đã cho thấy trong định hướng nghề nghiệp cho HS thì GV là một trong những yếu tố quan trọng nhất (Law & Arthur, 2003). GV có kỹ năng định hướng nghề nghiệp tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến quá trình phấn đấu học tập của HS THPT nhằm đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp được định hướng và chọn lựa (Justin et al., 2010). Do vậy, nhà trường cần tập trung phát triển nhằm nâng cao hơn nữa KNTV học tập và hướng nghiệp cho CB, GV trong nhà trường.

Tiếp đến là KNTV tâm lý cho HS gặp khó khăn tâm lý (mối quan hệ với cha mẹ, anh, chị, em, bạn bè, thầy cô giáo, tình cảm...) ở CB, GV cũng đạt mức trung bình với điểm đánh giá là 2,61 ở CB, GV và 2,63 ở HS. Nghiên cứu của Trần Văn Công và cộng sự (2019, tr 1-6) cho thấy, trong lĩnh vực khó khăn tâm lý HS gặp phải thì đứng đầu là khó khăn về cảm xúc và sau đó là các khó khăn trong mối quan hệ với cha mẹ, bạn bè, thầy cô... Trên thực tế, nhiều HS gặp khó khăn nhưng do nhiều nguyên nhân dẫn đến mức độ xin được tư vấn còn ít và điều đó cũng làm cho CB, GV chưa tập trung cho phát triển KNTV tâm lý này. Trong tương lai, các hình thức tư vấn đa dạng hơn thì HS sẽ xin được tư vấn nhiều hơn, vì vậy, nhà trường cần có biện pháp để nâng cao KNTV tâm lý học đường này ở CB, GV. Các KNTV tâm lý học đường còn lại như KNTV tâm lý cho HS có hành vi lệch chuẩn; KNTV tâm lý cho HS về giới tính và sức khỏe sinh sản; kỹ năng tìm hiểu, đánh giá khó khăn tâm lý của HS đều ở mức trung bình thấp. Với số liệu trên cho thấy, các trường THPT cần tăng cường hơn nữa trong bồi dưỡng, rèn luyện kỹ năng về tư vấn tâm lý học đường cho CB, GV.

### 2.3.3. Đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng tư vấn tâm lý học đường ở cán bộ, giáo viên

Bảng 3. Đánh giá của CB, GV về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới KNTV tâm lý học đường

TT	Các yếu tố ảnh hưởng đến KNTV tâm lý học đường của CB, GV	CB, GV	
		ĐTB	ĐLC
1	Yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp ở GV	3,33	0,74
2	Kiến thức về tư vấn tâm lý trong trường học	3,97	0,88

3	Kinh nghiệm, giảng dạy, giáo dục của GV	3,80	0,67
4	Năng khiếu của GV	3,68	0,91
5	Sự tự tin của GV	3,69	0,68
6	Mức độ/cơ hội được đào tạo, bồi dưỡng về tư vấn	3,89	0,73
7	Môi trường (ví dụ cơ sở vật chất) để thực hiện công việc tư vấn	3,41	0,80
8	Chủ trương, chính sách, văn bản hướng dẫn của Sở, Phòng GD-ĐT, của nhà trường	3,56	0,82
9	Mức độ hỗ trợ về kinh phí	3,75	0,69
10	Sự phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường	3,61	0,69

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình,  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ ; DLC: Độ lệch chuẩn*

Nội dung khảo sát này chỉ dành cho CB và GV. Số liệu ở bảng 3 cho thấy, các yếu tố khảo sát đều có ảnh hưởng tới KNTV tâm lý học đường ở CB, GV. Trong các yếu tố trên, yếu tố “Kiến thức về tư vấn tâm lý trong trường học” là ảnh hưởng nhất với ĐTB là 3,97; tiếp đến là “Kinh nghiệm, giảng dạy, giáo dục của GV” với ĐTB là 3,80 và mức độ hỗ trợ về kinh phí với ĐTB là 3,75 có ảnh hưởng mạnh tới KNTV tâm lý của CB, GV ở trường phổ thông. Tiếp đến, các yếu tố như “Sự tự tin của GV”, “Năng khiếu của GV” với ĐTB là 3,69 và 3,68 và “Sự phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường” trong tư vấn và hỗ trợ HS với ĐTB 3,61 là có ảnh hưởng không nhỏ tới KNTV tâm lý cho HS ở CB, GV trong nhà trường. Các yếu tố còn lại cũng có ảnh hưởng nhưng ở mức độ thấp hơn.

Kết quả phỏng vấn ở một số CB, GV cũng trùng lặp kết quả khảo sát qua bảng hỏi: đa số CB, GV được phỏng vấn đều cho rằng “Kiến thức về tư vấn tâm lý trong trường học” là rất quan trọng và có ảnh hưởng nhất tới KNTV tâm lý học đường của người tư vấn. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn còn cho thấy, nhu cầu được bồi dưỡng và tập huấn thêm về kiến thức tư vấn tâm lý học đường ở CB, GV trong các trường THPT trên địa bàn nghiên cứu là khá cao.

#### **2.4. Đánh giá chung về thực trạng và đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển kỹ năng tư vấn tâm lý học đường cho cán bộ, giáo viên ở các trường trung học phổ thông**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ đạt được các KNTV tâm lý cơ bản và các KNTV tâm lý học đường của CB, GV còn ở mức trung bình. Có nhiều yếu tố tác động tới KNTV tâm lý học đường ở CB, GV, trong đó kiến thức về tư vấn có tác động mạnh nhất. Như vậy, các trường THPT cần tăng cường hơn nữa trong phát triển các KNTV cho đội ngũ CB, GV. Từ nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển KNTV tâm lý học đường cho CB và GV ở các trường THPT như sau:

- *Xây dựng kế hoạch phát triển KNTV tâm lý học đường cho đội ngũ CB, GV:* Nhà trường cần ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai kế hoạch năm học, cần gắn trách nhiệm xây dựng và phát triển các năng lực nghề nghiệp ở CB, GV trong đó có phát triển kỹ năng về tư vấn tâm lý học đường ở CB, GV. Hướng dẫn các phương pháp, hình thức tổ chức trang bị kiến thức, KNTV tâm lý cho đội ngũ CB, GV. Bên cạnh đó, các trường THPT cần xây dựng nhóm CB chủ chốt để phát triển năng lực tư vấn tâm lý cho các CB, GV khác. Nhóm CB chủ chốt là tập hợp những GV có tri thức, kinh nghiệm trong tư vấn tâm lý và nhiệt huyết, hoạt động trên tinh thần tự nguyện nhằm hỗ trợ các GV khác trong thiết kế ý tưởng, xây dựng kế hoạch và đánh giá cho hoạt động tư vấn tâm lý cho HS.

- *Tổ chức tập huấn, trao đổi của GV về KNTV tâm lý học đường:* Bản thân việc tổ chức tập huấn, trao đổi của GV chính là hoạt động để phát triển KNTV tâm lý học đường cho CB, GV trong nhà trường. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động này, GV chia sẻ những kinh nghiệm từ đồng nghiệp và qua đó có thể áp dụng vào thực tiễn của công tác tư vấn tâm lý học HS. Vì vậy hoạt động này cần được tổ chức một cách thường xuyên, ở những cấp độ khác nhau và theo những mô hình khác nhau. Có thể thực hiện theo mô hình hội thảo tập huấn như: hội thảo tập huấn là hình thức sinh hoạt nghề nghiệp của CB, GV có sự hướng dẫn của các chuyên gia, các nhà giáo có kinh nghiệm; hội thảo tập huấn nên chọn các vấn đề mà nhiều HS gặp phải, có thời lượng vừa phải, có sự tham gia của HS; mô hình tập huấn qua diễn đàn hoặc hội thảo chuyên đề thông qua chia sẻ kinh nghiệm của các nhà tâm lý, GV đã từng tham gia tư vấn tâm lý cho HS. GV mang đến diễn đàn những kinh nghiệm, chia sẻ những tình huống mà họ gặp phải trong quá trình tư vấn cho HS. Những người tham dự sẽ có cơ hội để trao đổi, thảo luận và đặt các câu hỏi về các tình huống có thể xảy ra để các GV có kinh nghiệm hỗ trợ thêm về kỹ năng trả lời. Những hoạt động tập huấn, trao đổi trong diễn đàn sẽ là phương thức phát triển KNTV tâm lý học đường cho GV THPT.

- *Tổ chức xây dựng môi trường học tập và phát triển KNTV tâm lý học đường:* Để phát triển KNTV tâm lý học đường ở CB, GV, trong các trường THPT cần phải tạo ra được môi trường học tập, xác định các chuẩn nghề nghiệp của GV trước đòi hỏi của giáo dục phổ thông để CB, GV định hướng trong nghiên cứu, học tập. Tăng cường các hình thức sinh hoạt chuyên đề để CB, GV rèn KNTV tâm lý thông qua các hoạt động trao đổi chuyên môn, KNTV

vấn tâm lý. Vì vậy, các hoạt động cần được tiến hành theo hướng tăng cường sự trao đổi, chia sẻ giữa các GV về kinh nghiệm và những tình huống thực tế trong hoạt động tư vấn tâm lý của GV.

- *Tăng cường khai thác công nghệ thông tin, Internet để phục vụ cho việc phát triển KNTV tâm lý học đường:* Việc sử dụng mạng Internet sẽ giúp CB, GV học khai thác, học hỏi được nhiều kinh nghiệm, tri thức tư vấn tâm lý từ các nhà tâm lý, các nhà giáo có kinh nghiệm qua chia sẻ tình huống, hỗ trợ GV trong tư vấn, qua đó giúp tăng cường KNTV tâm lý của CB, GV.

Sử dụng đồng bộ các biện pháp này sẽ nâng cao nhận thức và KNTV tâm lý học đường cho đội ngũ tư vấn, góp phần ngăn ngừa các hậu quả, tác động tiêu cực về tâm lý và hỗ trợ tốt hơn cho HS THPT, giúp các em phát triển toàn diện nhằm đạt được mục tiêu của Chương trình quốc gia về giáo dục phổ thông.

### 3. Kết luận

Tư vấn tâm lý cho HS là nội dung rất quan trọng của nhà trường. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục HS thì GV còn đảm nhiệm nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho HS. Để làm tốt nhiệm vụ này, GV cần được trang bị các KNTV tâm lý cơ bản và KNTV tâm lý học đường một cách khoa học. Nghiên cứu này đánh giá về nhận thức và mức độ thể hiện về các kỹ năng tư vấn tâm lý học đường cũng như các yếu tố ảnh hưởng tới KNTV tâm lý học đường ở CB, GV ở một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế. Phối hợp đồng bộ và linh hoạt các biện pháp được đề xuất sẽ góp phần nâng cao KNTV tâm lý học đường cho CB, GV, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao về năng lực nghề nghiệp, góp phần thực hiện có hiệu quả đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 về hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông.*
- Bộ GD-ĐT (2018). *Quyết định số 1876/QĐ-BGDĐT ngày 21/5/2018 về ban hành Chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh.*
- Hoàng Anh Phước (2016). *Kỹ năng tham vấn học đường - những vấn đề lý luận và thực tiễn.* NXB Đại học Sư phạm.
- Justin, C. P., & Xiongyi, L., & Yvona, P. (2010). School engagement as a mediator of academic performance among urban youth: The role of career preparation, parental career support, and teacher support. *The Counseling Psychologist, 38*(2), 269-295.
- Law, W., & Arthur, D. (2003). What factors influence Hong Kong students in their choice of a career in nursing? *International Journal of Nursing Studies, 40*(1), 23-32.
- Nguyễn Đức Sơn (chủ biên, 2018). *Tài liệu Bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- Oluwabunmi, F., & Oredugba, O. (2017). Influence of counselling services on perceived academic performance of secondary school students in Lagos State. *International Journal of Instruction, 10* (2), 211-228.
- Rowan B. (1997). Using research on employees' performance to study the effects of teachers on students' achievement. *Sociology of Education, 70*, 256-284.
- Shaterloo, A., & Mohammadyari, G. (2011). Students counselling and academic achievement. *Procedia - Social and Behavioral Sciences, 30*, 625-628.
- Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hoài Phương, Trần Thành Nam (2019). Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh và nhu cầu sử dụng tư vấn tâm lý trong trường học. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 61*(10), 1-6.